

Phụ lục II**DANH MỤC THÀNH PHẦN HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH PHẢI SỐ HÓA CỦA UBND CẤP HUYỆN***(Kèm theo Quyết định số: 895 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

| STT | Tên thủ tục hành chính | Mã thủ tục hành chính | Lĩnh vực | Thành phần hồ sơ phải số hóa | Ghi chú |
|------------|---|------------------------------|---------------------------|--|----------------|
| 1 | Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực | 1.004494 | Lĩnh vực Giáo dục Mầm non | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị thành lập của cơ quan chủ quản đối với trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập; của tổ chức hoặc cá nhân đối với trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thực cần nêu rõ sự cần thiết thành lập; tên trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ; địa điểm dự kiến làm trụ sở tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; - Đề án thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ | |
| 2 | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục | 1.006390 | Lĩnh vực Giáo dục Mầm non | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục; - Quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ; - Danh sách cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt gồm hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng, tổ trưởng tổ chuyên môn trong đó ghi rõ trình độ chuyên môn được đào tạo; danh sách đội ngũ giáo viên, trong đó ghi rõ trình độ chuyên môn được đào tạo; hợp đồng làm việc đã được ký giữa trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ với từng cán bộ | |

| | | | | | |
|---|--|----------|---------------------------|---|--|
| | | | | <p>quản lý, giáo viên;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình giáo dục mầm non, tài liệu phục vụ cho việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non - Danh mục số lượng phòng học, phòng làm việc, cơ sở vật chất, thiết bị đáp ứng các điều kiện theo quy định; - Các văn bản pháp lý: xác nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê trụ sở trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ với thời hạn tối thiểu 05 năm; xác nhận về số tiền hiện có do trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ đang quản lý, bảo đảm tính hợp pháp và cam kết sẽ chỉ sử dụng để đầu tư xây dựng và chi phí cho các hoạt động thường xuyên của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ sau khi được cho phép hoạt động giáo dục; phương án huy động vốn và cân đối vốn tiếp theo để bảo đảm duy trì ổn định hoạt động của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ trong giai đoạn 05 năm, bắt đầu từ khi được tuyển sinh; - Quy chế tổ chức và hoạt động của trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ | |
| 3 | Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại | 1.006444 | Lĩnh vực Giáo dục Mầm non | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại; - Quyết định thành lập đoàn kiểm tra; - Biên bản kiểm tra; | |
| 4 | Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ | 1.006445 | Lĩnh vực Giáo dục Mầm non | <ul style="list-style-type: none"> - Đề án sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ, trong đó có phương án để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên; - Tờ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện đề | |

| | | | | | |
|----|---|----------|----------------------------|---|--|
| | | | | ngiht sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ | |
| 5 | Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) | 1.004515 | Lĩnh vực Giáo dục Mầm non | - Quyết định thành lập đoàn kiểm tra của Ủy ban nhân dân cấp huyện; - Biên bản kiểm tra; - Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ trong đó nêu rõ lý do đề nghị giải thể, các biện pháp giải quyết quyền, lợi ích hợp pháp của trẻ em, giáo viên, cán bộ và nhân viên trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ; phương án giải quyết các tài sản của trường. | |
| 6 | Thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục | 1.004555 | Lĩnh vực Giáo dục Tiểu học | - Tờ trình về việc thành lập trường - Đề án thành lập trường - Sơ yếu lý lịch (Lý lịch Tư pháp), văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm hiệu trưởng | |
| 7 | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục | 2.001842 | Lĩnh vực Giáo dục Tiểu học | - Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục; - quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường. | |
| 8 | Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại | 1.004552 | Lĩnh vực Giáo dục Tiểu học | - Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại | |
| 9 | Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học | 1.004563 | Lĩnh vực Giáo dục Tiểu học | - Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên. - Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan - Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách; | |
| 10 | Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) | 1.001639 | Lĩnh vực Giáo dục Tiểu học | - Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân | |

| | | | | |
|----|--|----------|-----------------------------|---|
| | trường tiểu học) | | | |
| 11 | Chuyển trường đối với học sinh tiểu học | 1.005099 | Lĩnh vực Giáo dục Tiểu học | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin chuyển trường của Cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh. - Học bạ. - Bảng tổng hợp kết quả đánh giá rèn luyện và học tập của học sinh theo quy định. |
| 12 | Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thục | 1.004442 | Lĩnh vực Giáo dục Trung học | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình về việc thành lập trường - Đề án thành lập trường - Sơ yếu lý lịch (Lý lịch Tư pháp) của người dự kiến làm hiệu trưởng |
| 13 | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục | 1.004444 | Lĩnh vực Giáo dục Trung học | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục; - Quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường. |
| 14 | Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại | 1.004475 | Lĩnh vực Giáo dục Trung học | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại |
| 15 | Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở | 2.001809 | Lĩnh vực Giáo dục Trung học | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách; - Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên; - Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan; |
| 16 | Giải thể trường trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường) | 2.001818 | Lĩnh vực Giáo dục Trung học | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị giải thể của tổ chức, cá nhân |
| 17 | Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở | 2.002481 | Lĩnh vực Giáo dục Trung học | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin chuyển trường do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ kí; - Học bạ (bản chính); - Giấy giới thiệu chuyển trường do Hiệu trưởng nhà trường nơi đi cấp; - Giấy giới thiệu chuyển trường do Trường |

| | | | | |
|----|---|-----------|-----------------------------|---|
| | | | | phòng Giáo dục và Đào tạo (đối với cấp trung học cơ sở) nơi đi cấp (trường hợp xin chuyển đến từ tỉnh, thành phố khác). |
| 18 | Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở | 2.001904 | Lĩnh vực Giáo dục Trung học | - Đơn xin do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký. - Bản sao giấy khai sinh. |
| 19 | Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc trung học cơ sở | 1.005108 | Lĩnh vực Giáo dục Trung học | - Đơn xin do cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ ký. - Bản sao giấy khai sinh. - Văn bản đồng ý của trường nơi xin chuyển đến. |
| 20 | Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục | 1.004496 | Lĩnh vực Giáo dục Dân tộc | - Tờ trình đề nghị cho phép nhà trường hoạt động giáo dục; - Quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường |
| 21 | Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú | 1.004545 | Lĩnh vực Giáo dục Dân tộc | - Tờ trình đề nghị thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú - Đề án thành lập trường theo quy định. |
| 22 | Cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục | 2.001824 | Lĩnh vực Giáo dục Dân tộc | - Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại; |
| 23 | Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc bán trú | 2.001837 | Lĩnh vực Giáo dục Dân tộc | - Tờ trình về việc sáp nhập, chia, tách - Đề án sáp nhập, chia, tách, trong đó có phương án bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên; - Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan |
| 24 | Chuyển đổi trường phổ thông dân tộc bán trú | 2.001824 | Lĩnh vực Giáo dục Dân tộc | - Tờ trình đề nghị cho phép chuyển đổi. - Tờ trình cần nêu rõ phương án sử dụng cơ sở vật chất của trường, chế độ chính sách đối với học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên sau khi trường chuyển đổi. |
| 25 | Thành lập trung tâm học tập cộng đồng | 1.0044439 | Lĩnh vực Giáo | - Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc |

| | | | | |
|----|---|----------|--|---|
| | | | <p>đục và Đào tạo thuộc hệ thống Quốc dân và cơ sở giáo dục khác</p> | <p>tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trung tâm học tập cộng đồng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ yếu lý lịch của những người dự kiến làm giám đốc trung tâm học tập cộng đồng |
| 26 | <p>Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công (thuộc thẩm quyền Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện, thị xã, thành phố)</p> | 1.005429 | <p>Quản lý Công sản</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi. - Các hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: Dự toán chi được duyệt; Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá, đấu giá, phá dỡ; hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có). |
| 27 | <p>Mua quyền hóa đơn</p> | 1.005434 | <p>Quản lý Công sản</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Không cần số hóa |
| 28 | <p>Mua hóa đơn lẻ</p> | 1.005435 | <p>Quản lý Công sản</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Không cần số hóa |
| 29 | <p>Thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản do các tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước</p> | 1.006218 | <p>Quản lý Công sản</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản. - Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị, hiện trạng của tài sản. - Hợp đồng tặng cho tài sản trong trường hợp chuyển giao dưới hình thức tặng cho và theo quy định của pháp luật phải lập thành hợp đồng. - Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có). - Kết quả giải quyết TTHC. |

| | | | | |
|----|--|----------|------------------|--|
| 30 | Thủ tục thanh toán phần giá trị của tài sản cho tổ chức, cá nhân ngẫu nhiên tìm thấy tài sản chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm, tài sản bị đánh rơi, bỏ quên nhưng không xác định được chủ sở hữu | 1.006220 | Quản lý Công sản | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị thanh toán phần giá trị tài sản được hưởng. - Kết quả giải quyết TTHC. |
| 31 | Thủ tục thông báo thành lập đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập và thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng | 1.008898 | Văn hoá | <ul style="list-style-type: none"> * Đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập: <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo thành lập thư viện (dành cho thư viện của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở giáo dục). * Đối với thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng: <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo thành lập thư viện (dành cho thư viện cộng đồng/thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng). - Văn bản trả lời (Kết quả). |
| 32 | Thủ tục thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập, thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng | 1.008899 | Văn hoá | <ul style="list-style-type: none"> * Đối với thư viện thuộc cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác ngoài công lập: <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo sáp nhập/hợp nhất/chia/tách thư viện. * Đối với thư viện tư nhân có phục vụ cộng đồng: <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Thông báo sáp nhập/hợp nhất/chia/tách thư viện. - Văn bản trả lời (Kết quả). |

| | | | | |
|----|--|------------------------|---|---|
| 33 | Giải quyết khiếu nại lần đầu | 2.002408 | Xử lý đơn thư, tiếp công dân, giải quyết tố cáo | - Đơn khiếu nại; Thông báo; Báo cáo |
| 34 | Giải quyết khiếu nại lần hai | 2.002412 | Xử lý đơn thư, tiếp công dân, giải quyết tố cáo | - Đơn khiếu nại; Thông báo; Báo cáo |
| 35 | Xử lý đơn | 2.002500 | Xử lý đơn thư, tiếp công dân, giải quyết tố cáo | - Đơn khiếu nại; Đơn kiến nghị, phản ánh |
| 36 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện | 1.002425 | An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng | - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; - - Giấy khám sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp kinh doanh dịch vụ ăn uống do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp. |
| 37 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | 2.001885.000.00.00.H53 | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | - Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận theo mẫu; - Bản sao có chứng thực giấy đăng ký kinh doanh điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng; - Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là cá nhân; - - Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của cá nhân địa diện cho tổ chức, doanh nghiệp trực tiếp quản lý điểm cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng đối với trường hợp chủ điểm là tổ chức, doanh nghiệp. |
| 38 | Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | 2.001884.000.00.00.H53 | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung nội dung giấy chứng nhận theo mẫu; - - Các tài liệu có liên quan đến các thông tin |

| | | | | |
|----|---|------------------------|--|--|
| | | | tử | thay đổi (nếu có). |
| 39 | Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | 2.001880.000.00.00.H53 | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | - Đơn đề nghị gia hạn giấy chứng nhận theo mẫu; - - Bản sao có chứng thực chứng minh nhân dân/thẻ căn cước công dân/hộ chiếu của chủ điểm là cá nhân. |
| 40 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng | 2.001786.000.00.00.H53 | Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử | - Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận theo mẫu. |
| 41 | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | 2.000181.000.00.00.H53 | Lưu thông hàng hóa trong nước | - Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; - - Các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh. |
| 42 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | 2.000150.000.00.00.H53 | Lưu thông hàng hóa trong nước | * Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy Văn bản đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. * Trường hợp cấp lại Giấy phép do hết thời hạn hiệu lực - Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá - - Các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh |
| 43 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá | 2.000162.000.00.00.H53 | Lưu thông hàng hóa | - Văn bản đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung; - - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, |

| | | | | |
|----|---|------------------------|-------------------------------|--|
| | | | trong nước | bổ sung |
| 44 | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu | 2.000620.000.00.00.H53 | Lưu thông hàng hóa trong nước | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu; - Hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ; - Văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu. |
| 45 | Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu | 2.001240.000.00.00.H53 | Lưu thông hàng hóa trong nước | <ul style="list-style-type: none"> * Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu; - Hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ; - Văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu * Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng. <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu |
| 46 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu | 2.000615.000.00.00.H53 | Lưu thông hàng hóa trong nước | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu; - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung. |
| 47 | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | 2.000633.000.00.00.H53 | Lưu thông hàng hóa trong nước | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh; - Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao |

| | | | | |
|----|--|------------------------|-------------------------------|---|
| | | | | <p>Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm;</p> <p>- - Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.</p> |
| 48 | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | 2.001629.000.00.00.H53 | Lưu thông hàng hóa trong nước | <p>- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.</p> <p>- - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</p> |
| 49 | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | 1.001279.000.00.00.H53 | Lưu thông hàng hóa trong nước | <p>* Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực</p> <p>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;</p> <p>- Bản công bố sản phẩm rượu hoặc bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm;</p> <p>- Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.</p> |

| | | | | |
|----|--|------------------------|----------------------------------|---|
| | | | | <p>* Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng</p> <p>- - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh.</p> |
| 50 | Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | 2.001283.000.00.00.H53 | Kinh doanh khí | <p>- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai;</p> <p>- Hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực;</p> <p>- - Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy</p> |
| 51 | Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | 2.001270.000.00.00.H53 | Kinh doanh khí | <p>- - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP)</p> |
| 52 | Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | 2.001261.000.00.00.H53 | Kinh doanh khí | <p>- - Giấy đề nghị cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP)</p> |
| 53 | Đăng ký thành lập hộ kinh doanh | 1.001.612 | Thành lập và hoạt động của hộ KD | <p>- Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>- Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>- Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc thành lập hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>- Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.</p> |

| | | | | |
|----|--|-----------|----------------------------------|---|
| 54 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh | 2.000.720 | Thành lập và hoạt động của hộ KD | <p><u>(Đối với trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 điều 90 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh ký; - Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh. <p><u>Đối với trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo thay đổi chủ hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh cũ và chủ hộ kinh doanh mới ký hoặc do chủ hộ kinh doanh mới ký trong trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh do thừa kế; - Hợp đồng mua bán hoặc các giấy tờ chứng minh hoàn tất việc mua bán trong trường hợp bán hộ kinh doanh; hợp đồng tặng cho đối với trường hợp tặng cho hộ kinh doanh; bản sao văn bản xác nhận quyền thừa kế hợp pháp của người thừa kế trong trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh do thừa kế; - Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc thay đổi chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh; - Bản sao văn bản ủy quyền của thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm chủ hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên |
|----|--|-----------|----------------------------------|---|

| | | | | |
|----|---|-----------|----------------------------------|---|
| | | | | <p>hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.</p> <p>Sau khi bán, tặng cho, thừa kế hộ kinh doanh, hộ kinh doanh vẫn phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của hộ kinh doanh phát sinh trong thời gian trước ngày chuyển giao hộ kinh doanh, trừ trường hợp hộ kinh doanh, người mua, người được tặng cho, người thừa kế và chủ nợ của hộ kinh doanh có thỏa thuận khác.</p> <p><u>Đối với trường hợp hộ kinh doanh chuyển địa chỉ trụ sở sang quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nơi hộ kinh doanh đã đăng ký, hộ kinh doanh gửi hồ sơ thông báo thay đổi địa chỉ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi dự định đặt trụ sở mới:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> – Bản sao Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh ký; – Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh; - Bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh. |
| 55 | Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh | 1.001.266 | Thành lập và hoạt động của hộ KD | <ul style="list-style-type: none"> – Thông báo về việc chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh; – Thông báo về việc chấm dứt hiệu lực mã số thuế của Cơ quan thuế; – Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình |

| | | | | |
|----|---|-----------|----------------------------------|--|
| | | | | <p>đình về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh;</p> <p>- Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.</p> |
| 56 | Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh | 1.001.570 | Thành lập và hoạt động của hộ KD | <p>- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh;</p> <p>- Bản sao biên bản họp thành viên hộ gia đình về việc đăng ký tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo đối với trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.</p> |
| 57 | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh | 2.000.575 | Thành lập và hoạt động của hộ KD | - Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh |
| 58 | Đăng ký thành lập HTX | 1.005.280 | Thành lập và hoạt động của HTX | <p>- Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã;</p> <p>- Điều lệ;</p> <p>- Phương án sản xuất kinh doanh;</p> <p>- Danh sách hợp tác xã thành viên;</p> <p>- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;</p> <p>- Nghị quyết Hội nghị thành lập.</p> <p>- Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp (đối với thành lập mới quỹ tín dụng nhân dân).</p> <p>- Trường hợp người thành lập hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện</p> |

| | | | | |
|----|--|-----------|--------------------------------|--|
| | | | | <p>thủ tục liên quan đến đăng ký HTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập HTX hoặc HTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX; hoặc - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX. |
| 59 | Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX | 2.002.123 | Thành lập và hoạt động của HTX | <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã; - Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh; - Trường hợp người thành lập hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp |

| | | | | |
|----|---------------------------------------|-----------|--------------------------------|--|
| | | | | <p>bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập HTX hoặc HTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX; hoặc - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX. |
| 60 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký HTX | 1.005.277 | Thành lập và hoạt động của HTX | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã. - Trường hợp người thành lập hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: + Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập HTX hoặc HTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX; hoặc |

| | | | | |
|----|---|-----------|---------------------------------------|---|
| | | | | <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX.</p> |
| 61 | <p>Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX</p> | 1.005.378 | <p>Thành lập và hoạt động của HTX</p> | <p>- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;</p> <p>- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;</p> <p>- Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp thay đổi người đại diện;</p> <p>- Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân đối với việc thay đổi ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh hợp tác xã mà theo quy định phải có chứng chỉ hành nghề.</p> <p>- Trường hợp người thành lập hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo:</p> <p>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập HTX hoặc HTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX và giấy giới thiệu của tổ</p> |

| | | | | |
|----|------------------|-----------|--------------------------------|---|
| | | | | <p>chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX; hoặc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX. |
| 62 | Đăng ký HTX chia | 2.002.122 | Thành lập và hoạt động của HTX | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã; - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh; - Danh sách hợp tác xã thành viên; - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên; - Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chia hợp tác xã. - Trường hợp người thành lập hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập HTX hoặc HTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX; hoặc - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX. |

| | | | | | |
|----|----------------------|-----------|--------------------------------|---|--|
| 63 | Đăng ký HTX tách | 2.002.120 | Thành lập và hoạt động của HTX | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã; - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh; - Danh sách hợp tác xã thành viên; - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên; - Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc tách hợp tác xã. - Trường hợp người thành lập hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập HTX hoặc HTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX; hoặc - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX. | |
| 64 | Đăng ký HTX hợp nhất | 1.005.121 | Thành lập và hoạt động của HTX | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã; - Điều lệ; - Phương án sản xuất kinh doanh; | |

| | | | | |
|----|---------------------------|-----------|--------------------------------|---|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Danh sách hợp tác xã thành viên; - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên; - Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc hợp nhất hợp tác xã. - Trường hợp người thành lập hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập HTX hoặc HTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX; hoặc - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX. |
| 65 | Đăng ký khi HTX sáp nhập) | 1.004.972 | Thành lập và hoạt động của HTX | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc sáp nhập hợp tác xã. - Trường hợp người thành lập hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng |

| | | | | |
|----|--|-----------|--------------------------------|---|
| | | | | <p>thực cá nhân, kèm theo:</p> <p>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập HTX hoặc HTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX; hoặc</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX.</p> |
| 66 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký HTX, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)) | 2.001.973 | Thành lập và hoạt động của HTX | <p>– Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.</p> <p>– Trường hợp người thành lập hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo:</p> <p>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập HTX hoặc HTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX; hoặc</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX.</p> |

| | | | | |
|----|------------------------|-----------|--------------------------------|---|
| 67 | Giải thể tự nguyện HTX | 2.001.962 | Thành lập và hoạt động của HTX | <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc giải thể hợp tác xã - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc giải thể hợp tác xã; - Biên bản hoàn thành việc giải thể hợp tác xã; - Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế của hợp tác xã; - Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của hợp tác xã; - Giấy xác nhận của cơ quan đăng ký hợp tác xã về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã; - Giấy biên nhận của cơ quan thông tin đại chúng về việc nhận đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã hoặc bản in 03 số báo liên tiếp đã đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã. - Trường hợp người thành lập hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: + Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập HTX hoặc HTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ |
|----|------------------------|-----------|--------------------------------|---|

| | | | | | |
|----|--|-----------|--------------------------------|--|--|
| | | | | <p>tục liên quan đến đăng ký HTX; hoặc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX. | |
| 68 | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã | 1.004.979 | Thành lập và hoạt động của HTX | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã; - Điều lệ sửa đổi (trong trường hợp thay đổi điều lệ của hợp tác xã); - Danh sách hợp tác xã thành viên sau khi thay đổi (trong trường hợp thay đổi số lượng hợp tác xã thành viên); - Danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi (trong trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên). Trường hợp người thành lập hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <p>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập HTX hoặc HTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ</p> | |

| | | | | | |
|----|---|-----------|--------------------------------|--|--|
| | | | | <p>tục liên quan đến đăng ký HTX; hoặc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX. | |
| 69 | Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của HTX | 2.001.958 | Thành lập và hoạt động của HTX | <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc góp vốn /mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã. - Trường hợp người thành lập hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập HTX hoặc HTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX; hoặc - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX. | |
| 70 | Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã | 1.005.377 | Thành lập và hoạt động của HTX | <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã/tạm ngừng hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã; | |

| | | | | | |
|----|--|-----------|--------------------------------|---|--|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã. - Trường hợp người thành lập hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập HTX hoặc HTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX; hoặc - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX. | |
| 71 | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã | 1.005.010 | Thành lập và hoạt động của HTX | <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã; - Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã; - Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, địa điểm kinh doanh; | |

| | | | | |
|----|-------------------------------------|-----------|--------------------------------|---|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. - Trường hợp người thành lập hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập HTX hoặc HTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX; hoặc - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX. |
| 72 | Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký HTX | 1.004.901 | Thành lập và hoạt động của HTX | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị cấp đổi sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã - Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh - Trường hợp người thành lập hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập HTX hoặc HTX và tổ |

| | | | | | |
|----|---|------------------------|--------------------------------|---|--|
| | | | | <p>chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX; hoặc</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX.</p> | |
| 73 | Thay đổi cơ quan đăng ký HTX | 1.004.895 | Thành lập và hoạt động của HTX | <p>- Giấy đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã;</p> <p>- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã.</p> <p>- Trường hợp người thành lập hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX, khi thực hiện thủ tục, người được ủy quyền phải nộp bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân, kèm theo:</p> <p>+ Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập HTX hoặc HTX và tổ chức làm dịch vụ thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân trực tiếp thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX; hoặc</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật cho cá nhân thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký HTX.</p> | |
| 74 | Thủ tục đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Phòng Lao động - | 2.000291.000.00.00.H53 | Bảo trợ xã hội | - Tờ khai đăng ký thành lập theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số | |

| | | | | |
|----|--|------------------------|----------------|--|
| | Thương binh và Xã hội | | | <p>103/2017/NĐ-CP.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương án thành lập cơ sở. - Dự thảo Quy chế hoạt động của cơ sở theo Mẫu số 03b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 103/2017/NĐ-CP. - Bản sao có chứng thực đối với giấy tờ hợp pháp về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở hoặc hợp đồng cho thuê, mượn đất đai, cơ sở vật chất và tài sản gắn liền với đất phục vụ cho hoạt động của cơ sở. - - Phiếu lý lịch tư pháp của các sáng lập viên. |
| 75 | Thủ tục đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội | 1.000669.000.00.00.H53 | Bảo trợ xã hội | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị về việc đăng ký thay đổi nội dung hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở. |
| 76 | Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội thuộc thẩm quyền cấp phép của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội | 2.000294.000.00.00.H53 | Bảo trợ xã hội | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đề nghị cấp giấy phép hoạt động của cơ sở theo Mẫu số 09 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 103/2017/NĐ-CP |
| 77 | Thủ tục trợ giúp xã hội khẩn cấp đối với người bị thương nặng ngoài nơi cư trú mà không có người thân thích chăm sóc | 2.000777.000.00.00.H53 | Bảo trợ xã hội | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị hỗ trợ của cơ quan, tổ chức trực tiếp cấp cứu, chữa trị cho người bị thương nặng |
| 78 | Thủ tục giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của phòng Lao động – Thương binh và Xã hội | 2.000298.000.00.00.H53 | Bảo trợ xã hội | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị giải thể cơ sở của tổ chức, cá nhân đăng ký thành lập cơ sở, trong đó có nêu rõ lý do đề nghị giải thể theo Mẫu số 04b tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 103/2017/NĐ-CP. - Bản kê khai tài sản, tài chính và phương án |

| | | | | | |
|----|--|------------------------|----------------------|--|--|
| | | | | <p>xử lý.</p> <ul style="list-style-type: none"> - - Danh sách đối tượng và phương án giải quyết khi cơ sở giải thể. | |
| 79 | <p>Thủ tục cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp</p> | 1.000684.000.00.00.H53 | Bảo trợ xã hội | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị điều chỉnh, cấp lại giấy phép. - Giấy phép hoạt động. - - Giấy tờ chứng minh thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đứng đầu, loại hình cơ sở, nhiệm vụ và địa bàn hoạt động. | |
| 80 | <p>Thủ tục cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài</p> | 2.001960.000.00.00.H53 | Giáo dục nghề nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp chính sách nội trú theo mẫu tại Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH. - Đối với học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, ngoài đơn đề nghị cấp chính sách nội trú phải bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp (Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu). - Đối với học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số là người khuyết tật, ngoài đơn đề nghị cấp chính sách nội trú phải bổ sung Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật sống tại cộng đồng trong trường hợp chưa có giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp (Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu). | |

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | <p>- Đối với học sinh, sinh viên người Kinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo ngoài đơn đề nghị cấp chính sách nội trú phải bổ sung Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp (Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu).</p> <p>- Đối với học sinh, sinh viên người Kinh là người khuyết tật có hộ khẩu thường trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo ngoài đơn đề nghị cấp chính sách nội trú phải bổ sung Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc trợ cấp xã hội đối với người khuyết tật sống tại cộng đồng trong trường hợp chưa có giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp (Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu).</p> <p>- Đối với học sinh, sinh viên tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú, ngoài đơn đề nghị cấp chính sách nội trú phải bổ sung bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (Bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao có mang bản chính để đối chiếu).</p> <p>- - Đối với học sinh, sinh viên ở lại trường</p> |
|--|--|--|--|

| | | | | |
|----|---|------------------------|-----------------------------|--|
| | | | | trong dịp Tết Nguyên đán, ngoài một số giấy tờ trên phải bổ sung Đơn đề nghị xác nhận và cấp hỗ trợ theo mẫu tại Mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BLĐTBXH. |
| 81 | Thủ tục “Giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền” | 1.004959.000.00.00.H53 | Lao động | - Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền |
| 82 | Thủ tục hỗ trợ người lao động thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | 2.002105.000.00.00.H53 | Quản lý lao động ngoài nước | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị hỗ trợ Mẫu số 01a phụ lục theo Quyết định 1925/QĐ-LĐTBXH ngày 14/12/2023 của Bộ LĐTBXH; - Giấy tờ xác nhận người lao động thuộc một trong các đối tượng: người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng: <ul style="list-style-type: none"> + Người lao động là người dân tộc thiểu số: bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân; + Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo: xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tại Giấy đề nghị hỗ trợ của người lao động; + Người lao động là thân nhân người có công với cách mạng: giấy xác nhận là thân nhân người có công với cách mạng theo Mẫu số 01b phụ lục theo Quyết định 1925/QĐ-LĐTBXH ngày 14/12/2023 của Bộ LĐTBXH; - Bản sao hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài ký giữa người lao động và doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (có xác nhận của Doanh nghiệp) hoặc hợp đồng trực tiếp giao kết giữa người lao động và |

| | | | | |
|----|-------------------------------|------------------------|---------------|--|
| | | | | <p>người sử dụng lao động ở nước ngoài (nếu hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch sang tiếng Việt và có chứng thực) và xác nhận đăng ký hợp đồng của Sở LĐTBXH;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao hộ chiếu và thị thực; - Bản sao chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng của người lao động làm cơ sở thanh toán chi phí ăn, ở trong thời gian đào tạo; - - Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền học nghề, ngoại ngữ, giáo dục định hướng, khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp |
| 83 | Thủ tục thăm viếng mộ liệt sĩ | 1.010832.000.00.00.H53 | Người có công | <p>a) Nội dung 01 - Cấp giấy giới thiệu thăm viếng mộ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị theo Mẫu số 31 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP có xác nhận của UBND cấp xã. - Bản sao được chứng thực từ một trong các giấy tờ sau: giấy chứng nhận gia đình hoặc thân nhân liệt sĩ; quyết định trợ cấp thờ cúng liệt sĩ. - Một trong các giấy tờ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Đối với trường hợp chưa xác định được mộ cụ thể trong nghĩa trang liệt sĩ: Giấy báo tin mộ liệt sĩ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý mộ. + Đối với trường hợp chưa xác định được mộ cụ thể trong nghĩa trang liệt sĩ: Giấy xác nhận do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý mộ về việc có tên trong danh sách quản lý của nghĩa trang; Bản trích lục hồ sơ liệt sĩ do Sở Lao động - Thương binh và Xã |

| | | | | |
|----|--|------------------------|----------------------------|--|
| | | | | <p>hội nơi quản lý hồ sơ gốc cấp; Bản sao được chứng thực từ giấy xác nhận thông tin về nơi liệt sĩ hy sinh theo Mẫu số 44 Phụ lục I Nghị định số 131/2021/NĐ-CP.</p> <p>b) Nội dung 02 – Chi hỗ trợ thăm viếng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - - Giấy giới thiệu thăm viếng mộ liệt sĩ đã được xác nhận. |
| 84 | Thủ tục công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiệm ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng | 1.010938.000.00.00.H53 | Phòng, chống tệ nạn xã hội | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị công bố đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiệm ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. - Danh sách nhân viên của cơ sở cai nghiệm ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiệm ma túy tự nguyện (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 116/2021/NĐ-CP) - Bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiệm ma túy tự nguyện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. - - Bản dự kiến quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiệm ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. |
| 85 | Thủ tục công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiệm ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng | 1.010939.000.00.00.H53 | Phòng, chống tệ nạn xã hội | <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản đề nghị công bố lại đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiệm ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP. - Bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở |

| | | | | |
|----|--|------------------------|-----------------------------------|---|
| | | | | <p>cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP kèm theo các văn bản, chứng chỉ đối với trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;</p> <p>- Bản báo cáo kết quả khắc phục việc đình chỉ cung cấp dịch vụ đối với trường hợp quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 19 Nghị định 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>- - Bản dự kiến quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.</p> |
| 86 | <p>Thủ tục công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng</p> | 1.010940.000.00.00.H53 | <p>Phòng, chống tệ nạn xã hội</p> | <p>a) Văn bản đề nghị công bố (công bố lại) đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng của tổ chức, cá nhân đề nghị theo Mẫu số 13 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP.</p> <p>b) Các tài liệu sau đây đối với cơ sở cai nghiện ma túy công lập:</p> <p>- 01 bản chính danh sách nhân viên của cơ sở cai nghiện ma túy/cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện theo Mẫu số 03 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;</p> <p>- Bản lý lịch tóm tắt của người đứng đầu hoặc người đại diện theo pháp luật của cơ sở cung cấp dịch vụ theo Mẫu số 04 Phụ lục II Nghị định số 116/2021/NĐ-CP;</p> <p>- Bản dự kiến quy trình cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình,</p> |

| | | | | | |
|----|--|------------------------|-----------------------------------|---|--|
| | | | | <p>cộng đồng.</p> <p>- c) Giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện đối với cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.</p> | |
| 87 | <p>Thủ tục hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân</p> | 2.001661.000.00.00.H53 | <p>Phòng, chống tệ nạn xã hội</p> | <p>- Đơn đề nghị hỗ trợ của nạn nhân hoặc của gia đình nạn nhân theo Mẫu số 27 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BLĐT BXH .</p> <p>- Một trong các loại giấy xác nhận sau</p> <p>+ Giấy xác nhận nạn nhân của cơ quan công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo quy định tại Khoản 4 Điều 24 của Luật Phòng, chống mua bán người (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</p> <p>+ Giấy xác nhận nạn nhân của cơ quan giải cứu theo quy định tại Điều 25 của Luật Phòng, chống mua bán người (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</p> <p>+ Giấy xác nhận nạn nhân của cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu);</p> <p>- + Giấy tờ, tài liệu do cơ quan nước ngoài cấp đã được cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài hoặc Bộ Ngoại giao Việt Nam hợp pháp hóa lãnh sự chứng minh người đó là nạn nhân (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu).</p> | |

| | | | | | |
|----|--|------------------------|----------|--|--|
| 88 | Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) | 1.003956.000.00.00.H53 | Thủy sản | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản tại khu vực dự kiến thực hiện đồng quản lý theo Mẫu 02 Phụ lục I; - Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 03 Phụ lục I; - Thông tin về tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 04 Phụ lục I; - - Bản chính biên bản họp tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 05 Phụ lục I. | |
| 89 | Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) | 1.004498.000.00.00.H53 | Thủy sản | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị theo Mẫu số 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Thông tin về tổ chức cộng đồng theo Mẫu số 04 Phụ lục I; - Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; - Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và dự thảo quy chế mới đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng; - - Bản chính biên bản họp của tổ chức cộng đồng về các nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 05 Phụ lục I. | |
| 90 | Công bố mở cảng cá loại 3 | 1.004478.000.00.00.h53 | Thủy sản | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị công bố mở cảng cá theo Mẫu số 09 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; - Văn bản cho phép đầu tư xây dựng cảng cá; | |

| | | | | | |
|----|--|------------------------|------------|--|--|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản nghiệm thu công trình cảng cá đã hoàn thành xây dựng đưa vào sử dụng kèm theo bản vẽ hoàn công; - Thông báo hàng hải về luồng của cảng và vùng nước trước cầu cảng; - Văn bản kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; - Văn bản nghiệm thu về phòng cháy, chữa cháy. | |
| 91 | Phê duyệt, điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư) | 1.007919.000.00.00.H53 | Lâm nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình đề nghị phê duyệt thiết kế, dự toán - Hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh: <ul style="list-style-type: none"> + Thuyết minh thiết kế công trình lâm sinh; + Thiết kế công trình lâm sinh, gồm: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ thiết kế công trình lâm sinh tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000, được lập trên nền bản đồ địa hình theo hệ quy chiếu VN 2.000, có lưới tọa độ, số hiệu tiểu khu, khoảnh, lô; thể hiện đường đồng mức, hiện trạng, các vật thể chuẩn (sông suối, đường giao thông, băng cản lửa, trạm bảo vệ rừng,...) và các nội dung hướng dẫn; + Dự toán công trình lâm sinh; - Các văn bản có liên quan (quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt dự án đầu tư và các tài liệu khác có liên quan). | |
| 92 | Phê duyệt phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của ủy ban nhân dân cấp huyện | 1.011471.000.00.00.H53 | Lâm nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đơn đề nghị phê duyệt Phương án khai thác theo Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT; - Bản chính Phương án khai thác theo Mẫu số 11 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông | |

| | | | | |
|----|--|------------------------|-------------------------|---|
| 93 | Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu | LN203 | Lâm nghiệp | <p>tư số 26/2022/TT-BNNPTNT;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản chính Đề nghị xác nhận nguồn gốc gỗ xuất khẩu theo Mẫu số 04 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Na; - - Bản chính Bảng kê gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 05 hoặc Bảng kê sản phẩm gỗ xuất khẩu/tạm nhập, tái xuất theo Mẫu số 06 Phụ lục I kèm theo Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ quy định Hệ thống bảo đảm gỗ hợp pháp Việt Nam. |
| 94 | Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái | 3.000250.000.00.00.H53 | Lâm nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> - Tờ trình của chủ rừng đề nghị phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục VI kèm theo Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018; - Phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018; - - Các loại bản đồ theo quy định tại khoản 3 Điều 4 của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018. |
| 95 | Hỗ trợ dự án liên kết cấp huyện | 1.003434.000.00.00.H53 | Kinh tế hợp tác | <ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị của Chủ trì liên kết (theo mẫu số 01); - Dự án liên kết (theo mẫu số 02) hoặc Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (theo mẫu số 03); - - Bản thỏa thuận cử đơn vị Chủ trì liên kết (theo mẫu số 04) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau. |
| 96 | Công nhận nghề truyền thống | 1.003712.000.00.00.H53 | Kinh tế hợp tác và Phát | <ul style="list-style-type: none"> - Bản tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của nghề truyền thống; |

| | | | | |
|-----|---|------------------------|---|--|
| | | | triển nông thôn | - -Tờ trình của UBND huyện/thị xã, thành phố về việc đề nghị xét công nhận nghề truyền thống. |
| 97 | Công nhận làng nghề | 1.003695.000.00.00.H53 | Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn | - Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn; - Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 năm gần nhất; - Văn bản bảo đảm các điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định; - - Tờ trình của UBND huyện/thị xã, thành phố về việc đề nghị xét công nhận làng nghề. |
| 98 | Công nhận làng nghề truyền thống | 1.003727.000.00.00.H53 | Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn | - Bản tóm tắt quá trình hình thành, phát triển của nghề truyền thống; - Danh sách các hộ tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn; - Bản tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngành nghề nông thôn trong 02 năm gần nhất; - Văn bản bảo đảm điều kiện về bảo vệ môi trường theo quy định; - - Tờ trình của UBND huyện/thị xã, thành phố về việc đề nghị xét công nhận làng nghề truyền thống. |
| 99 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản | 2.001827.000.00.00.H53 | Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản | - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; - - Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. |
| 100 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở | 2.001823.000.00.00.H53 | Quản lý chất lượng nông | - Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; |

| | | | | |
|-----|--|--------------------------------|----------------------|--|
| | sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP) | | lâm sản và thủy sản | - - Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. |
| 101 | Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội | 1.003841.000.00.00.H53 | Hội | - Số hóa kết quả giải quyết |
| 102 | Thủ tục thành lập hội | 1.003827.000.00.00.H53 | Hội | - Số hóa kết quả giải quyết |
| 103 | Thủ tục phê duyệt Điều lệ hội | 1.003807.000.00.00.H53 | Hội | - Số hóa kết quả giải quyết |
| 104 | Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội | 1.003783.000.00.00.H53 | Hội | - Số hóa kết quả giải quyết |
| 105 | Thủ tục đổi tên hội | 1.003757.000.00.00.H53 | Hội | - Số hóa kết quả giải quyết |
| 106 | Thủ tục hội tự giải thể | 1.003732.000.00.00.H53 | Hội | - Số hóa kết quả giải quyết |
| 107 | Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội | 2.002100.000.00.00.H53 | Hội | - Số hóa kết quả giải quyết |
| 108 | Thủ tục thẩm định thành lập tổ chức hành chính | 1.011262.000.00.00.H53 | Tổ chức hành chính | - Số hóa kết quả giải quyết |
| 109 | Thủ tục thẩm định tổ chức lại tổ chức hành chính | <u>1.009335</u> .000.00.00.H53 | Tổ chức hành chính | - Số hóa kết quả giải quyết |
| 110 | Thủ tục thẩm định giải thể tổ chức hành chính | 1.011263.000.00.00.H53 | Tổ chức hành chính | - Số hóa kết quả giải quyết |
| 111 | Thủ tục thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập | <u>1.009322</u> .000.00.00.H53 | Đơn vị sự nghiệp | - Số hóa kết quả giải quyết |
| 112 | Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập | <u>1.009323</u> .000.00.00.H53 | Đơn vị sự nghiệp | - Số hóa kết quả giải quyết |
| 113 | Thủ tục thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập | <u>1.009324</u> .000.00.00.H53 | Đơn vị sự nghiệp | - Số hóa kết quả giải quyết |
| 114 | Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo | 1.001228.000.00.00.H53 | Tín ngưỡng, tôn giáo | - Văn bản thông báo; - - Kết quả giải quyết. |
| 115 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một | 2.000267.000.00.00.H53 | Tín ngưỡng, tôn giáo | - Văn bản thông báo; - - Kết quả giải quyết. |

| | | | | |
|-----|---|------------------------|----------------------|---|
| | huyện | | | |
| 116 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện | 1.000316.000.00.00.H53 | Tín ngưỡng, tôn giáo | - Văn bản thông báo; - - Kết quả giải quyết. |
| 117 | Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện | 1.001220.000.00.00.H53 | Tín ngưỡng, tôn giáo | - Văn bản thông báo; - - Kết quả giải quyết. |
| 118 | Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện | 1.001212.000.00.00.H53 | Tín ngưỡng, tôn giáo | - Văn bản đề nghị; - Báo cáo tổng kết hoạt động của tổ chức; - - Kết quả giải quyết. |
| 119 | Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện | 1.001204.000.00.00.H53 | Tín ngưỡng, tôn giáo | - Văn bản đề nghị; - - Kết quả giải quyết. |
| 120 | Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện | 1.001199.000.00.00.H53 | Tín ngưỡng, tôn giáo | - Văn bản đề nghị; - - Kết quả giải quyết. |
| 121 | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc | 1.001180.000.00.00.H53 | Tín ngưỡng, tôn giáo | - Văn bản Thông báo; - - Kết quả giải quyết. |
| 122 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện theo công trạng | 1.012381.000.00.00.H53 | Thi đua, khen thưởng | - Tờ trình của Thủ trưởng phòng, ban, ngành, đơn vị huyện, các doanh nghiệp, Chủ tịch UBND cấp xã. - Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị trình. |

| | | | | |
|-----|--|------------------------|----------------------|---|
| | | | | - -Quyết định tặng thưởng giấy khen (kết quả giải quyết) |
| 123 | Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến. | 1.012383.000.00.00.H53 | Thi đua, khen thưởng | - Tờ trình của Thủ trưởng phòng, ban, ngành, đơn vị huyện, các doanh nghiệp, Chủ tịch UBND cấp xã - Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị trình - - Quyết định tặng thưởng danh hiệu Lao động tiên tiến (kết quả giải quyết) |
| 124 | Thủ tục tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở. | 1.012385.000.00.00.H53 | Thi đua, khen thưởng | - Tờ trình của Thủ trưởng phòng, ban, ngành, đơn vị huyện, các doanh nghiệp, Chủ tịch UBND cấp xã - Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị trình - - Quyết định tặng thưởng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở (kết quả giải quyết) |
| 125 | Thủ tục tặng danh hiệu Lao động tiên tiến. | 1.012386.000.00.00.H53 | Thi đua, khen thưởng | - Tờ trình của Thủ trưởng phòng, ban, ngành, đơn vị huyện, các doanh nghiệp, Chủ tịch UBND cấp xã - Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị trình - - Quyết định tặng thưởng danh hiệu Lao động tiên tiến (kết quả giải quyết) |
| 126 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo chuyên đề. | 1.012387.000.00.00.H53 | Thi đua, khen thưởng | - Tờ trình của Thủ trưởng phòng, ban, ngành, đơn vị huyện, các doanh nghiệp, Chủ tịch UBND cấp xã - Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị trình - - Quyết định tặng thưởng giấy khen (kết quả giải quyết). |
| 127 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất. | 1.012389.000.00.00.H53 | Thi đua, khen thưởng | - Tờ trình của Thủ trưởng phòng, ban, ngành, đơn vị huyện, các doanh nghiệp, Chủ tịch UBND cấp xã. - - Quyết định tặng thưởng giấy khen (kết |

| | | | | |
|-----|--|------------------------|----------------------|--|
| | | | | quả giải quyết). |
| 128 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện cho gia đình. | 1.012390.000.00.00.H53 | Thi đua, khen thưởng | - Tờ trình của Thủ trưởng phòng, ban, ngành, đơn vị huyện, các doanh nghiệp, Chủ tịch UBND cấp xã - Biên bản họp xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị trình - - Quyết định tặng thưởng giấy khen (kết quả giải quyết). |
| 129 | Thủ tục thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư | 2.001234 | Đất đai | Đơn xin giao đất, cho thuê đất/ chuyển mục đích sử dụng đất Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất - Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất |
| 130 | Thủ tục giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất | 2.000381 | Đất đai | Đơn xin giao đất, cho thuê đất Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất Văn bản thẩm định nhu cầu sử dụng đất. - Quyết định giao đất, Quyết định cho thuê đất, Hợp đồng cho thuê đất |
| 131 | Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân | 1.000798 | Đất đai | Đơn xin phép chuyển mục đích sử dụng đất. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất; - Tờ khai phí trước bạ, tờ khai tiền SDD |
| 132 | Thủ tục thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng | 1.005367 | Đất đai | Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do cá nhân sử dụng đất chết mà không có người thừa kế: Văn bản xác nhận không có người thừa kế |

| | | | | |
|--|---|--|--|---|
| | <p>dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam</p> | | | <p>của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú của cá nhân sử dụng đất đã chết; (2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có) (3) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có); (4) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất; (5) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất: (1) Văn bản trả lại đất của người sử dụng đất hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất xác nhận về việc trả lại đất của người sử dụng đất; (2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (3) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có) (4) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất; (5) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất. Hồ sơ trình ban hành quyết định thu hồi</p> |
|--|---|--|--|---|

| | | | | |
|-----|--------------------------|----------|------------|---|
| | | | | <p>đất do đất được Nhà nước giao, cho thuê có thời hạn nhưng không được gia hạn:</p> <p>1) Quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất, hợp đồng thuê đất;</p> <p>(2) Văn bản thông báo cho người sử dụng đất biết không được gia hạn sử dụng đất;</p> <p>(3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc giấy tờ về quyền sử dụng đất (nếu có)</p> <p>(4) Biên bản xác minh thực địa do cơ quan tài nguyên và môi trường lập (nếu có);</p> <p>(5) Trích lục bản đồ địa chính thửa đất hoặc trích đo địa chính thửa đất;</p> <p>(6) Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định thu hồi đất.</p> <p>Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất:</p> <p>Quyết định thu hồi đất;</p> <p>Báo cáo của Phòng Tài nguyên và Môi trường về quá trình vận động, thuyết phục người có đất thu hồi nhưng không chấp hành quyết định thu hồi đất;</p> <p>Tờ trình kèm theo dự thảo quyết định cưỡng chế thu hồi đất.</p> <p>- Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất, Quyết định thu hồi đất</p> |
| 133 | Cấp giấy phép môi trường | 1.010723 | Môi trường | <p>Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư</p> <p>Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở</p> |

| | | | | | |
|-----|---|----------|-----------------|---|--|
| | | | | - Giấy phép môi trường | |
| 134 | Cấp đổi giấy phép môi trường | 1.010724 | Môi trường | Văn bản đề nghị cấp đổi giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở - Giấy phép môi trường cấp đổi | |
| 135 | Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | 1.010725 | Môi trường | Văn bản đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở - Giấy phép môi trường điều chỉnh | |
| 136 | Cấp lại giấy phép môi trường | 1.010726 | Môi trường | Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của dự án đầu tư - Giấy phép môi trường | |
| 137 | Đăng ký khai thác nước dưới đất (TTHC cấp huyện) | 1.001662 | Tài nguyên nước | Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất - Phân xác nhận của cơ quan quản lý: Mẫu 35 Nghị định 02/2023/NĐ-CP | |
| 138 | Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m ³ /ngày đêm trở lên | 1.001645 | Tài nguyên nước | Thuyết minh và thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình Kế hoạch triển khai xây dựng công trình Tiến độ xây dựng công trình Dự kiến tác động của việc khai thác, sử dụng nước và vận hành công trình đến nguồn nước, môi trường và các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành Các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, đảm bảo nước cho các đối tượng khai thác, sử dụng nước khác có khả năng bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng, vận hành công trình, thời gian công trình không vận hành Các số liệu, tài liệu khác liên quan đến việc khai thác, sử dụng tài nguyên nước Quy mô, phương án chuyên nước | |

| | | | | | |
|-----|-------------------------------|----------|---------|---|--|
| | | | | <p>Văn bản trả lời xin ý kiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải | |
| 139 | Cấp bản sao trích lục hộ tịch | 2,000635 | Hộ tịch | <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính). - Tờ khai đề nghị bản sao Trích lục hộ tịch theo mẫu trong trường hợp người yêu cầu là cá nhân hoặc Văn bản yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch nêu rõ lý do trong trường hợp người yêu cầu là cơ quan, tổ chức. - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện yêu cầu cấp bản sao Trích lục hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. | |
| 140 | Xác nhận thông tin hộ tịch | 2,002516 | Hộ tịch | <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu cấp xác nhận thông tin hộ tịch (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Tờ khai đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch theo mẫu; - Giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung đề nghị xác nhận thông tin hộ tịch; - Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo | |

| | | | | |
|-----|--|----------|---------|---|
| | | | | <p>quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc xin cấp xác nhận thông tin hộ tịch. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực.</p> |
| 141 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài | 2,000528 | Hộ tịch | <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký khai sinh (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Giấy chứng nhận kết hôn nếu cha, mẹ đã đăng ký kết hôn (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Giấy tờ chứng minh việc trẻ em nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam và văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền về việc trẻ em đang cư trú tại Việt Nam trong trường hợp trẻ em sinh ra ở nước ngoài, có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam hoặc cha và mẹ đều là công dân Việt Nam, chưa được đăng ký khai sinh ở nước ngoài, về cư trú tại Việt Nam. - Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính thì phải gửi kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ phải xuất trình nêu trên. - Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu - Giấy chứng sinh hoặc các giấy tờ thay thế hợp lệ; - Văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc lựa chọn quốc tịch cho con. - Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm |

| | | | | | |
|-----|--------------------------------------|----------|---------|--|--|
| | | | | <p>quyền của nước mà trẻ được lựa chọn mang quốc tịch về việc trẻ có quốc tịch là phù hợp quy định pháp luật của nước đó (trường hợp cha, mẹ lựa chọn quốc tịch nước ngoài cho con)</p> <p>- Văn bản ủy quyền (được chứng thực) theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.</p> | |
| 142 | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài | 2,000806 | Hộ tịch | <p>- Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của công dân Việt Nam (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính)</p> <p>- Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu</p> <p>- Giấy xác nhận của tổ chức y tế có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài xác nhận các bên kết hôn không mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không có khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;</p> <p>- Giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân của người nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền của nước mà người đó là công dân cấp còn giá trị sử dụng.</p> <p>- Người nước ngoài, công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài phải nộp bản sao hộ chiếu/giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu.</p> <p>- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của công dân Việt Nam cư trú trong nước.</p> <p>- Bản sao Trích lục ghi chú ly hôn đối với Công dân Việt Nam đã ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài phải nộp bản sao trích lục hộ tịch về</p> | |

| | | | | |
|-----|--|----------|---------|---|
| | | | | <p>việc đã ghi vào sổ việc ly hôn hoặc hủy việc kết hôn trái pháp luật;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn bản của cơ quan, đơn vị quản lý xác nhận việc kết hôn với người nước ngoài không trái với quy định của ngành đó đối Công dân Việt Nam là công chức, viên chức hoặc đang phục vụ trong lực lượng vũ trang; - Trường hợp người yêu cầu đăng ký kết hôn đang công tác, học tập, lao động có thời hạn ở nước ngoài thì phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Cơ quan đại diện ngoại giao, Cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cấp. |
| 143 | Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài | 2,000756 | Hộ tịch | <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng để chứng minh về nhân thân của người có yêu cầu đăng ký chấm dứt giám hộ (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính) - Tờ khai đăng ký chấm dứt giám hộ theo mẫu. - Giấy tờ làm căn cứ chấm dứt giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự. - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện đăng ký chấm dứt giám hộ. |
| 144 | Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc | 2,000748 | Hộ tịch | <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng của người có yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu |

| | | | | | |
|-----|--|----------|---------|---|--|
| | | | | <p>chính).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc theo mẫu - Giấy tờ liên quan đến việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc; - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc. | |
| 145 | Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài | 1,001766 | Hộ tịch | <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng có yêu cầu đăng ký khai tử (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính). - Giấy tờ chứng minh nơi cư trú - Tờ khai đăng ký khai tử theo mẫu (nếu người có yêu cầu lựa chọn nộp hồ sơ theo hình thức trực tiếp); - Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử do cơ quan có thẩm quyền cấp; - Giấy tờ, tài liệu, chứng cứ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận hợp lệ chứng minh sự kiện chết đối với trường hợp đăng ký khai tử cho người chết đã lâu, không có Giấy báo tử hoặc giấy tờ thay thế Giấy báo tử; - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai tử. | |
| 146 | Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài | 2,000779 | Hộ tịch | <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác | |

| | | | | |
|-----|---|----------|---------|---|
| | | | | <p>có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng của người có yêu cầu đăng ký nhận cha, mẹ, con (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu. - Giấy tờ, đồ vật hoặc chứng cứ khác chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ. - Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu của người nước ngoài. |
| 147 | Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài | 1,001669 | Hộ tịch | <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng của người có yêu cầu đăng ký giám hộ (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính). - Tờ khai đăng ký giám hộ theo mẫu; - Văn bản cử người giám hộ theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ cũ; giấy tờ chứng minh điều kiện giám hộ đương nhiên theo quy định của Bộ luật Dân sự đối với trường hợp đăng ký giám hộ đương nhiên; văn bản thỏa thuận về việc cử một người làm giám hộ đương nhiên (nếu có); - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện đăng ký giám hộ. |
| 148 | Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài | 2,002189 | Hộ tịch | <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng của người có yêu cầu ghi chú kết hôn (trường |

| | | | | | |
|-----|---|----------|---------|--|--|
| | | | | <p>hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai ghi chú kết hôn. - Bản sao giấy tờ chứng nhận việc kết hôn do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp; - Trích lục về việc đã ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn hoặc hủy việc kết hôn (Trích lục ghi chú ly hôn) nếu công dân Việt Nam đã ly hôn hoặc hủy việc kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nước ngoài. | |
| 149 | Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài | 2,000554 | Hộ tịch | <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng của người có yêu cầu ghi chú ly hôn (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính) - Tờ khai ghi chú ly hôn. - Bản sao Bản án, quyết định ly hôn, hủy kết hôn, văn bản thỏa thuận ly hôn hoặc giấy tờ khác công nhận việc ly hôn do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đã có hiệu lực pháp luật; - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc ghi chú ly hôn. | |
| 150 | Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) | 2,000547 | Hộ tịch | <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng của người có yêu cầu ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác (trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính). - Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai sinh/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc khai tử/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con | |

| | | | | |
|-----|--|----------|---------|---|
| | | | | <p>nuôi/ Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc giám hộ, nhận cha, mẹ, con/Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao giấy tờ chứng minh việc hộ tịch đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc ghi chú. |
| 151 | Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài | 2,000522 | Hộ tịch | <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng của người có yêu cầu đăng ký lại khai sinh (trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính). - Tờ khai đăng ký lại khai sinh - Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có thông tin liên quan đến nội dung khai sinh, gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Bản sao Giấy khai sinh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ (bản sao được chứng thực từ bản chính, bản sao được cấp từ Sổ đăng ký khai sinh); bản chính hoặc bản sao giấy tờ có giá trị thay thế Giấy khai sinh được cấp trước năm 1945 ở miền Bắc và trước năm 1975 ở miền Nam. + Trường hợp người yêu cầu không có giấy tờ nêu trên thì phải nộp bản sao giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp hợp lệ như: Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy |

| | | | | |
|-----|--|----------|---------|--|
| | | | | <p>chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; Giấy tờ khác có thông tin về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký lại khai sinh.</p> |
| 152 | <p>Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân</p> | 1,000893 | Hộ tịch | <p>- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng của người có yêu cầu đăng ký khai sinh (trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính).</p> <p>- Tờ khai đăng ký khai sinh</p> <p>- Văn bản cam đoan về việc chưa được đăng ký khai sinh.</p> <p>- Bản sao toàn bộ hồ sơ, giấy tờ của người yêu cầu hoặc hồ sơ, giấy tờ, tài liệu khác trong đó có thông tin liên quan đến nội dung khai sinh, gồm: Giấy chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân hoặc Hộ chiếu; giấy tờ chứng minh về nơi cư trú; Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận, Chứng chỉ, Học bạ, hồ sơ học tập do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc xác nhận; Giấy tờ khác có thông tin về họ, tên, ngày, tháng, năm sinh của cá nhân.</p> <p>- Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện việc đăng ký khai sinh.</p> |
| 153 | <p>Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài</p> | 2,000513 | Hộ tịch | <p>- Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng của cá</p> |

| | | | | |
|-----|--|----------|---------|---|
| | | | | <p>hai bên có yêu cầu đăng ký lại kết hôn (trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký lại kết hôn. - Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn được cấp trước đây hoặc bản sao hồ sơ, giấy tờ cá nhân có các thông tin liên quan đến nội dung đăng ký kết hôn. |
| 154 | Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài | 2,000497 | Hộ tịch | <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng của người có yêu cầu đăng ký lại khai tử (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính). - Tờ khai đăng ký lại khai tử. - Bản sao Giấy chứng tử trước đây được cấp hợp lệ hoặc bản sao hồ sơ, giấy tờ liên quan có nội dung chứng minh sự kiện chết. - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền thực hiện đăng ký lại khai tử. |
| 155 | Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài | 1,001695 | Hộ tịch | <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng của người có yêu cầu đăng ký khai sinh và nhận cha, mẹ, con (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Giấy tờ chứng minh việc trẻ em nhập cảnh (hộ chiếu, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế có dấu xác nhận nhập cảnh của cơ quan quản lý xuất, nhập cảnh) và giấy tờ chứng minh việc trẻ em cư trú tại Việt Nam (văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền) đối với |

| | | | | |
|-----|--|----------|------------|--|
| | | | | <p>trẻ em sinh ra ở nước ngoài về cư trú tại Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai đăng ký khai sinh theo mẫu; - Tờ khai đăng ký nhận cha, mẹ, con theo mẫu. - Giấy chứng sinh hoặc các giấy tờ thay thế hợp lệ khác - Văn bản thỏa thuận của cha, mẹ về việc lựa chọn quốc tịch cho con. - Văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước mà trẻ được lựa chọn mang quốc tịch về việc trẻ có quốc tịch là phù hợp quy định pháp luật của nước đó (trường hợp cha, mẹ lựa chọn quốc tịch nước ngoài cho con). - Giấy tờ, đồ vật hoặc chứng cứ khác chứng minh quan hệ cha, con hoặc quan hệ mẹ, con. - Bản sao hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu của người nước ngoài. |
| 156 | Cấp bản sao từ sổ gốc | 2,000908 | Chứng thực | <ul style="list-style-type: none"> - Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính); - Trường hợp người yêu cầu là người đại diện theo pháp luật; người đại diện theo ủy quyền của cá nhân, tổ chức được cấp bản chính; cha, mẹ, anh, chị, em ruột, người thừa kế của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết thì còn phải xuất trình thêm giấy tờ chứng minh mình có quyền yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc (giấy ủy quyền hoặc giấy tờ chứng minh quan hệ nói trên). |
| 157 | Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền | 2,000815 | Chứng thực | <p>Đối chiếu trực tiếp bản chính và thực hiện chứng thực bản sao nên không thực hiện số hóa thành phần hồ sơ.</p> |

| | | | | | |
|-----|---|----------|------------|---|--|
| | quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận | | | | |
| 158 | Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận | 2,000843 | Chứng thực | Đối chiếu trực tiếp bản chính và thực hiện chứng thực bản sao nên không thực hiện số hóa thành phân hồ sơ. | |
| 159 | Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản (Áp dụng cho cả trường hợp chứng thực đi kèm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không đi kèm chỉ được) | 2,000884 | Chứng thực | - Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng. - Giấy tờ, văn bản mà người yêu cầu sẽ ký/đi kèm chỉ vào đó. | |
| 160 | Chứng thực chữ ký của người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp | | Chứng thực | Bản dịch và giấy tờ văn bản cần dịch | |
| 161 | Chứng thực chữ ký của người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp | 2,001008 | Chứng thực | - Bản sao có chứng thực giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng. - Bản chính hoặc bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực cử nhân ngoại ngữ hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên về thứ tiếng nước ngoài cần dịch; trừ trường hợp dịch những ngôn ngữ không phổ biến mà người dịch không có bằng cử nhân ngoại ngữ, bằng tốt nghiệp đại học nhưng thông thạo ngôn ngữ cần dịch; - Bản dịch và giấy tờ văn bản cần dịch. | |
| 162 | Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản | 2,001044 | Chứng thực | - Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực; - Bản sao kèm theo bản chính giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản | |

| | | | | |
|-----|--|----------|------------|---|
| | | | | sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó. |
| 163 | Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản | 2,001406 | Chứng thực | <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực; - Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó. |
| 164 | Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản | 2,001052 | Chứng thực | <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực; - Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó. |
| 165 | Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch | 2,000913 | Chứng thực | <ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực - Giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó (trong trường hợp nội dung sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ có liên quan đến tài sản) |

| | | | | |
|-----|--|----------|---------------------|--|
| 166 | Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực | 2,000927 | Chứng thực | - Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng của người yêu cầu chứng thực - Hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực. |
| 167 | Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực | 2,000942 | Chứng thực | - Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn giá trị sử dụng - Bản sao hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực (nếu có). |
| 168 | Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại | 2,002165 | Bồi thường nhà nước | - Văn bản yêu cầu bồi thường; - Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường, trừ trường hợp người bị thiệt hại không được gửi hoặc không thể có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường; - Giấy tờ chứng minh nhân thân của người bị thiệt hại; Tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc yêu cầu bồi thường (nếu có). - Giấy tờ chứng minh nhân thân của người thừa kế, người đại diện của người bị thiệt hại; Văn bản ủy quyền hợp pháp trong trường hợp đại diện theo ủy quyền; Trường hợp người bị thiệt hại chết mà có di chúc thì người yêu cầu bồi thường phải cung cấp di chúc, trường hợp không có di chúc thì phải có văn bản hợp pháp về quyền thừa kế, nếu người yêu cầu bồi thường là người thừa kế (trường hợp người yêu cầu bồi thường là người thừa kế (nếu có nhiều người thừa kế thì những người thừa kế đó phải cử ra một người đại diện) hoặc là người đại diện của người bị thiệt hại) |
| 169 | Phục hồi danh dự | 1,005462 | Bồi thường nhà nước | Văn bản yêu cầu bồi thường (mẫu 01/BTNN ban hành kèm theo Thông tư số 04/2018/TT-BTP). |
| 170 | Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc | 2,002363 | Nuôi con nuôi | - Tờ khai ghi vào Sổ hộ tịch việc nuôi con |

| | | | | | |
|-----|---|----------|------------------------------------|---|--|
| | nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài | | | <p>nuôi theo mẫu;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài. - Văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật trong trường hợp ủy quyền việc ghi chú. - Văn bản chứng nhận việc nuôi con nuôi đã được thực hiện phù hợp với điều ước quốc tế của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (trong trường hợp việc nuôi con nuôi đã được giải quyết theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước nơi giải quyết việc nuôi con nuôi cùng là thành viên). <p>Giấy tờ phải xuất trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hộ chiếu hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc các giấy tờ khác có dán ảnh và thông tin cá nhân do cơ quan có thẩm quyền cấp, còn giá trị sử dụng của người có yêu cầu ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (trường hợp nhận hồ sơ qua hệ thống bưu chính). | |
| 171 | Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải | 2,000424 | Hòa giải | <p>Giấy đề nghị hỗ trợ của hòa giải viên hoặc gia đình hòa giải viên trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại về tính mạng có xác nhận của tổ trưởng tổ hòa giải hoặc Trưởng ban công tác Mặt trận trong trường hợp hòa giải viên bị thiệt hại là tổ trưởng tổ hòa giải. Giấy đề nghị hỗ trợ phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người yêu cầu hỗ trợ; lý do yêu cầu hỗ trợ.</p> | |
| 172 | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tin | 1.009994 | Lĩnh vực Hoạt động xây dựng | <p>Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (riêng đối với</p> | |

| | | | |
|--|--|--|--|
| <p>ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ</p> | | | <p>mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn thì tiêu đề của đơn đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn”); Thành phần hồ sơ khác cho từng loại công trình, cụ thể như sau:</p> <p>Đối với công trình không theo tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (trường hợp trong giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất không thể hiện hình thể, kích thước thửa đất thì bổ sung hồ sơ kỹ thuật thửa đất); - Quyết định phê duyệt dự án; - Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; - Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ |
|--|--|--|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | <p>tăng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>-Kết quả: Giấy phép xây dựng</p> <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> <p>Đối với công trình theo tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến hoặc Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; -Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); -Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; -Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; -Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. -Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: sơ đồ vị trí tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình; bản vẽ các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang chủ yếu |
|--|--|--|--|

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | <p>của tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.</p> <p>- Kết quả: Giấy phép xây dựng</p> <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> <p>Đối với công trình tín ngưỡng, tôn giáo:</p> <p>- Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo gồm các tài liệu như quy định tại mục “(1.1) Đối với công trình không theo tuyến” và văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;</p> <p>- Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (trường hợp trong giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất không thể hiện hình thể, kích thước thửa đất thì bổ sung hồ sơ kỹ thuật thửa đất); + Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu; + Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng đối với các công trình tín ngưỡng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng; + Đối với công trình xây dựng có công trình liền kề phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liền kề. + Ý kiến của cơ quan chuyên môn về tín |
|--|--|--|--|

| | | | |
|--|--|--|---|
| | | | <p>ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trường hợp pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo có quy định).</p> <p>+ Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện;</p> <p>- Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, ngoài các tài liệu quy định như nêu trên phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.</p> <p>+ Kết quả: Giấy phép xây dựng</p> <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> <p>Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:</p> <p>- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (trường hợp trong giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất không thể hiện hình thể, kích thước thửa đất thì bổ sung hồ sơ kỹ thuật thửa đất);</p> <p>- Quyết định phê duyệt dự án;</p> <p>- Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có);</p> |
|--|--|--|---|

| | | | |
|--|--|--|---|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; - Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. - Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa. - Kết quả: Giấy phép xây dựng <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> <p>Đối với công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (trường hợp trong giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất không thể hiện hình thể, kích thước thửa đất thì bổ sung hồ sơ kỹ thuật thửa đất); |
|--|--|--|---|

| | | | |
|--|--|--|---|
| | | | <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt dự án; - Văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); - Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; - Văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - Bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. - Các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam. - Kết quả: Giấy phép xây dựng <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> <p>Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử |
|--|--|--|---|

| | | | | |
|-----|--|----------|--|--|
| | | | | <p>dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật về xây dựng có yêu cầu, gồm: <ul style="list-style-type: none"> +Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; +Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; + Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện; + Đối với công trình xây dựng có công trình liên kết phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liên kết. - Kết quả: Giấy phép xây dựng <p>(*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử)</p> |
| 173 | Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ | 1.009995 | | <p>Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (trường hợp trong giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất không thể hiện hình thể, kích thước thửa đất thì bổ sung hồ sơ kỹ thuật thửa đất);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản vẽ hiện trạng của các bộ phận công trình dự kiến sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo. |

| | | | | |
|-----|---|----------|--|---|
| | | | | <p>Hồ sơ thiết kế sửa chữa, cải tạo tương ứng với mỗi loại công trình theo quy định tại Điều 43 hoặc Điều 46 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Đối với các công trình di tích lịch sử - văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng thì phải có văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa</p> <p>Kết quả: Giấy phép xây dựng</p> <p>*Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử</p> |
| 174 | <p>Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ</p> | 1.009996 | | <p>Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.</p> <p>Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.</p> <p>Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế mô tả thực trạng công trình được di dời, gồm mặt bằng, mặt cắt móng và bản vẽ kết cấu chịu lực chính; bản vẽ tổng mặt bằng địa điểm công trình sẽ được di dời tới; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng tại địa điểm công trình sẽ di dời đến.</p> <p>Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.</p> <p>Phương án di dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm:</p> <p>+ Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình</p> |

| | | | | |
|-----|--|----------|--|--|
| | | | | <p>lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình; + Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.</p> <p>Kết quả: Giấy phép xây dựng *Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử</p> |
| 175 | <p>Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ</p> | 1.009997 | | <p>Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp; Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200 -Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng. Kết quả: Giấy phép xây dựng điều chỉnh *Ghi chú: Các văn bản, giấy tờ, bản vẽ thiết kế trong hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử</p> |
| 176 | <p>Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai</p> | 1.009999 | | <p>Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát). Bản cam kết tự chịu</p> |

| | | | | |
|-----|---|----------|--|---|
| | đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ | | | trách nhiệm về việc thất lạc giấy phép xây dựng của chủ đầu tư đối với trường hợp bị thất lạc giấy phép xây dựng. Kết quả: Giấy phép xây dựng được cấp lại. |
| 177 | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ | 1.009998 | | - Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp. - Kết quả: Giấy phép xây dựng gia hạn |
| 178 | Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương | 1.009794 | Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng | - Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu quy định tại Phụ lục VIa Nghị định số 06/2021/NĐ-CP - Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Phụ lục VIb Nghị định số 06/2021/NĐ-CP * (Số hóa kết quả: Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng) |
| 179 | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện | 1.002662 | Lĩnh vực Quy hoạch kiến trúc | Tờ trình đề nghị thẩm định Các bản vẽ in màu thu nhỏ Thuyết minh nội dung nhiệm vụ Kết quả: Quyết định phê duyệt của UBND cấp huyện. |
| 180 | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện | 1.003141 | | - Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết (theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP), thành phần hồ sơ gồm: (1) Tờ trình đề nghị thẩm định; (2) thuyết minh nội dung nhiệm vụ; (3) dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; (4) các bản vẽ in màu thu nhỏ; (5) các văn bản pháp lý có liên quan. - Đối với thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng |

| | | | | | |
|-----|--|----------|---------------------------|---|--|
| | | | | <p>đặc thù, diêm dân cư nông thôn (theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP), thành phần hồ sơ gồm: (1), (2), (3), (4), (5) và văn bản giải trình ý kiến của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư về nội dung nhiệm vụ quy hoạch; hồ sơ pháp nhân và hồ sơ năng lực của tổ chức tư vấn lập quy hoạch xây dựng. * (Số hóa kết quả: Kết quả thẩm định)</p> | |
| 181 | Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng | 1.008455 | | <p>-Đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch (trong đó ghi rõ thông tin về vị trí, địa điểm lô đất cần cung cấp thông tin). - Kết quả: Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng</p> | |
| 182 | Cấp giấy phép chặt hạ, di chuyển cây xanh | 1.002693 | Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật | <p>- Đơn xin di dời hoặc đốn hạ cây xanh (theo Phụ lục I của Quyết định 15/2013/QĐ-UBND tỉnh Đồng Nai) - Bản vẽ thiết kế tổng mặt bằng trong đó có định vị cây xanh cần chặt hạ, di dời. Trường hợp không có bản vẽ thiết kế thì trong đơn đề nghị nêu rõ vị trí chặt hạ, di dời, kích thước, loại cây và lý do cần chặt hạ, di dời cây xanh. - Kết quả: Giấy phép</p> | |